

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÀU VIỆT**

Cho kỳ kế toán Quý II năm 2024

U S N

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT**

Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

---

**NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo tài chính hợp nhất	04-42
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	04-05
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	06-07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	08-09
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10-42

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT

Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón Quốc tế Âu Việt (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán Quý II năm 2024.

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Phân bón Quốc tế Âu Việt, tiền thân là Công ty TNHH MTV Phân bón Quốc tế Âu Việt được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6300230407 ngày 31 tháng 7 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 05 lần thay đổi đăng ký kinh doanh về việc tăng vốn điều lệ, thay đổi người đại diện theo pháp luật. Giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần 05 được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp ngày 06 tháng 5 năm 2024.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 05: 136.000.000.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hoàng Luân	Chủ tịch	
Bà V Võ Huỳnh Trang	Ủy viên	
Ông Võ Văn Phước Quê	Ủy viên	
Ông Nguyễn Đức Quang	Ủy viên	
Ông Đinh Huỳnh Thái Tâm	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 26/04/2024
Bà Nguyễn Thị Mỹ Tiên	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 26/04/2024

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Võ Văn Phước Quê	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Quang	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	Trưởng ban	
Bà Nguyễn Thị Bảo Trâm	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26/04/2024
Bà Lưu Thị Cẩm Hoài	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 26/04/2024
Bà Nguyễn Thị Thu Thảo	Thành viên	

#### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT

Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán Quý II năm 2024, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



**Võ Văn Phước Quê**

Tổng Giám đốc

Hậu Giang, ngày 30. tháng 07. năm 2024

PHÒNG VI

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT**

Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2024**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>203.438.700.011</b>	<b>168.052.791.270</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>8.945.153.904</b>	<b>10.337.980.916</b>
111	1. Tiền		8.945.153.904	10.337.980.916
120	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>4</b>	<b>-</b>	<b>10.000.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	10.000.000.000
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>108.498.215.910</b>	<b>71.327.420.802</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	95.108.130.636	66.630.245.362
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	12.735.551.120	3.231.994.743
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	654.534.154	1.465.180.697
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>8</b>	<b>82.988.181.905</b>	<b>73.145.516.885</b>
141	1. Hàng tồn kho		82.988.181.905	73.145.516.885
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>3.007.148.292</b>	<b>3.241.872.667</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	282.845.317	128.502.942
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		2.724.302.975	3.113.369.725
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>184.501.547.073</b>	<b>189.057.692.780</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>-</b>	<b>20.000.000</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	-	20.000.000
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>91.532.286.352</b>	<b>94.020.883.796</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	62.076.903.064	63.967.900.958
222	- Nguyên giá		78.674.610.767	78.674.610.767
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(16.597.707.703)	(14.706.709.809)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	10	4.536.883.894	4.758.125.836
225	- Nguyên giá		5.265.505.600	5.265.505.600
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(728.621.706)	(507.379.764)
227	3. Tài sản cố định vô hình	11	24.918.499.394	25.294.857.002
228	- Nguyên giá		28.677.302.852	28.677.302.852
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.758.803.458)	(3.382.445.850)
230	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>12</b>	<b>79.379.237.134</b>	<b>81.184.667.488</b>
231	- Nguyên giá		91.190.175.481	91.190.175.481
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(11.810.938.347)	(10.005.507.993)
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>13.590.023.587</b>	<b>13.832.141.496</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	13.590.023.587	13.832.141.496
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>387.940.247.084</b>	<b>357.110.484.050</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>168.970.214.059</b>	<b>142.985.458.891</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>161.463.776.266</b>	<b>135.497.021.098</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	29.803.083.602	10.911.525.764
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		11.000.000	-
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	292.724.248	471.783.132
314	4. Phải trả người lao động		541.366.791	434.280.340
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	6.461.267.041	509.651.746
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	395.451.209	312.000.000
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	123.958.883.375	122.857.780.116
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>7.506.437.793</b>	<b>7.488.437.793</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	406.931.600	388.931.600
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18	7.099.506.193	7.099.506.193
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>218.970.033.025</b>	<b>214.125.025.159</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>19</b>	<b>218.970.033.025</b>	<b>214.125.025.159</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		136.000.000.000	136.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		136.000.000.000	136.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		471.167.081	471.167.081
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		79.308.843.390	74.501.190.045
421a	LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối năm trước		74.501.905.237	65.758.003.906
421b	LNST chưa phân phối năm nay		4.806.938.153	8.743.186.139
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		3.190.022.554	3.152.668.033
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>387.940.247.084</b>	<b>357.110.484.050</b>

*[Signature]*

*[Signature]*



Nguyễn Khải Vân  
Người lập

Biện Thị Chuyên  
Kế toán trưởng

Võ Văn Phước Quê  
Tổng Giám đốc

Hậu Giang, ngày 30 tháng 07 năm 2024

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÁU VIỆT**

Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tác, huyện  
Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2024

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

*Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý II năm 2024		Quý II năm 2023		Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024		Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023	
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	168.874.294.439	152.874.309.414	312.991.821.097	265.082.358.655				
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-	-	-				
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		168.874.294.439	152.874.309.414	312.991.821.097	265.082.358.655				
11	4. Giá vốn hàng bán	21	161.262.749.318	147.036.952.683	299.477.962.856	253.082.901.380				
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		7.611.545.121	5.837.356.731	13.513.858.241	11.999.457.275				
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	3.373.814	373.898.768	161.895.557	395.741.207				
22	7. Chi phí tài chính	23	2.520.467.683	3.048.334.734	4.689.225.166	5.068.495.644				
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		2.520.467.683	3.048.334.734	4.689.225.166	5.068.495.644				
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	-	-	-				
25	9. Chi phí bán hàng	24	513.903.062	322.291.209	912.708.819	599.304.677				
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	1.403.241.056	893.386.617	2.839.022.629	2.001.497.604				
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		3.177.307.134	1.947.242.939	5.234.797.184	4.725.900.557				
31	12. Thu nhập khác	26	63.403.500	-	63.953.500	-				
32	13. Chi phí khác	27	121.802.741	47.150.946	161.018.570	16.385.376				
40	14. Lợi nhuận khác		(58.399.241)	(47.150.946)	(97.065.070)	(16.385.376)				

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÁU VIỆT**

Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tác, huyện  
Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2024

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

*Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý II năm 2024		Quý II năm 2023		Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024		Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023	
			VND	VND	VND	VND	VND	VND		
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		3.118.907.893	1.900.091.993	5.137.732.114	4.709.515.181				
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	148.855.473	95.004.600	292.724.248	294.449.039				
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-	-	-				
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		2.970.052.420	1.805.087.393	4.845.007.866	4.415.066.142				
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		2.951.986.968	1.795.028.747	4.806.938.153	4.397.675.287				
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		18.065.452	10.058.646	38.069.713	17.390.855				
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29			353	323				



Nguyễn Khải Vân  
Người lập

Hậu Giang, ngày 30. tháng 07. năm 2024



Biện Thị Chuyên  
Kế toán trưởng



Võ Văn Phước Quê  
Tổng Giám đốc



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2024	Từ ngày 01/01/2023
			đến ngày 30/06/2024	đến ngày 30/06/2023
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		5.137.732.114	4.709.515.181
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		4.294.027.798	4.116.714.135
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(161.895.557)	(395.741.207)
06	- Chi phí lãi vay		4.689.225.166	5.068.495.644
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		13.959.089.521	13.498.983.753
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(37.676.358.495)	(8.846.091.529)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(9.842.665.020)	13.502.977.461
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		25.308.957.646	(21.166.162.344)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		87.775.534	88.744.762
14	- Tiền lãi vay đã trả		(4.935.472.019)	(5.158.075.746)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(471.783.132)	(100.000.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(13.570.455.965)	(8.179.623.643)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	(71.113.640)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(10.000.000.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		10.000.000.000	-
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.076.525.694	395.741.207
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		11.076.525.694	(9.675.372.433)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	1. Tiền thu từ đi vay		150.684.977.857	125.943.215.000
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(148.987.364.642)	(110.700.329.100)
35	3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(596.509.956)	(656.160.942)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		1.101.103.259	14.586.724.958

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2024	Từ ngày 01/01/2023
			đến ngày 30/06/2024	đến ngày 30/06/2023
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(1.392.827.012)	(3.268.271.118)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		10.337.980.916	7.480.666.909
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>8.945.153.904</u>	<u>4.212.395.791</u>

Nguyễn Khải Vân  
Người lập

Biện Thị Chuyên  
Kế toán trưởng



Võ Văn Phước Quê  
Tổng Giám đốc

Hậu Giang, ngày 30 tháng 07 năm 2024

# CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT

Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2024

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phân bón Quốc tế Âu Việt, tiền thân là Công ty TNHH MTV Phân bón Quốc tế Âu Việt được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6300230407 ngày 31 tháng 7 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 05 lần thay đổi đăng ký kinh doanh về việc tăng vốn điều lệ, thay đổi người đại diện theo pháp luật. Giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần 05 được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp ngày 06 tháng 5 năm 2024.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 136.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2024 là 136.000.000.000 đồng; tương đương 13.600.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại, dịch vụ.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là: Sản xuất và kinh doanh phân bón, cho thuê nhà xưởng

#### Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của công ty không quá 12 tháng.

#### Cấu trúc Tập đoàn

- Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2024 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Đầu tư Phúc Điền Hậu Giang	huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang	97,62%	97,62%	Sản xuất, kinh doanh phân bón, cho thuê nhà xưởng, sản xuất điện mặt trời

### 2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT

Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2024

### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### 2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

#### *Lợi ích của cổ đông không kiểm soát*

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

### 2.4 . Công cụ tài chính

#### *Ghi nhận ban đầu*

#### *Tài sản tài chính*

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

**Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản tại ngày góp vốn hoặc Khi nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

**2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**2.7 . Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại**

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là 10 năm. Định kỳ Công ty mẹ phải đánh giá tồn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tồn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tồn thất ngay trong năm phát sinh.

**2.8 . Các khoản đầu tư tài chính**

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

**2.9 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**2.10 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## **2.11 . Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Doanh nghiệp sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

Máy móc, thiết bị	15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 năm

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Tài sản cố định khác	06 - 25 năm

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là TSCĐ vô hình khi Công ty được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

### **Chương trình phần mềm**

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT

Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2024

### 2.12 . Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 20 - 25 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

### 2.13 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

### 2.14 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.



**2.15 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

**2.16 . Vay và nợ**

Các khoản vay và nợ phải trả được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

**2.17 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**2.18 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

**2.19 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT

Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2024

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

### 2.20 . Doanh thu

#### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

#### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### **2.21 . Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

### **2.22 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

### **2.23 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### **2.24 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Doanh nghiệp được hưởng ưu đãi về thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp do hoạt động trên địa bàn khó khăn, cụ thể như sau:

\* Tại Công ty mẹ

- Áp dụng mức thuế suất 10% trong 15 năm, kể từ năm 2014 (năm đầu tiên phát sinh doanh thu)
- Miễn 100% thuế TNDN trong 04 năm kể từ năm 2017 (phát sinh thu nhập chịu thuế)
- Giảm 50% thuế TNDN trong 9 năm tiếp theo kể từ năm 2021.

\* Tại Công ty con

- Áp dụng mức thuế suất 10% trong 15 năm, kể từ năm 2016
- Miễn 100% thuế TNDN trong 04 năm kể từ năm 2017
- Giảm 50% thuế TNDN trong 9 năm tiếp theo kể từ năm 2020.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT**

Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2024

**2.25 . Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

**2.26 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	3.984.346.093	710.555.375
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.960.807.811	9.627.425.541
	<b>8.945.153.904</b>	<b>10.337.980.916</b>

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	10.000.000.000	-
	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>-</b>

11/06/2024 T/VA

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT**

Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2024**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH MTV SX TMDV Song Ngư	8.330.921.490	-	15.412.188.490	-
Công ty Cổ phần phân bón Quốc tế	6.670.491.510	-	-	-
Công ty Cổ phần phân bón Eur	7.915.987.590	-	-	-
Công ty TNHH Đầu tư Amee	14.764.118.707	-	2.082.699.537	-
Công ty TNHH Đầu tư Louis	1.353.404.820	-	6.951.058.740	-
Công ty CP Hoá chất và phân bón Thăng Lợi	2.012.830.000	-	5.102.830.000	-
Công ty Cổ phần XNK Nông sản Miền Nam	5.321.731.560	-	4.749.330.800	-
Công ty TNHH SX TM XNK Khánh Phát	2.094.079.303	-	3.144.052.303	-
Công ty TNHH Đầu tư Minh Hân	4.533.465.012	-	4.157.286.612	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sản xuất Đại Thiên Ngân	12.148.330.800	-	29.458.200	-
Phải thu khách hàng khác	29.962.769.844	-	25.001.340.680	-
	<b>95.108.130.636</b>	<b>-</b>	<b>66.630.245.362</b>	<b>-</b>

**6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH MTV Thương mại Toàn Cầu	-	-	1.500.000.000	-
Công ty CP Xây dựng ACB	12.528.191.120	-	1.352.943.852	-
Các đối tượng khác	207.360.000	-	379.050.891	-
	<b>12.735.551.120</b>	<b>-</b>	<b>3.231.994.743</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT**

Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2024**7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	-	-	914.630.137	-
Ký cược, ký quỹ	550.550.560	-	550.550.560	-
Phải thu khác	103.983.594	-	-	-
	<b>654.534.154</b>	<b>-</b>	<b>1.465.180.697</b>	<b>-</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
Ký cược, ký quỹ	-	-	20.000.000	-
	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>20.000.000</b>	<b>-</b>

**8 . HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	44.697.190.589	-	38.406.472.663	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	346.296.296	-
Hàng hoá	38.290.991.316	-	34.392.747.926	-
	<b>82.988.181.905</b>	<b>-</b>	<b>73.145.516.885</b>	<b>-</b>

A.M. S. D.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÁU VIỆT**

Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cối Lác, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán Quý II năm 2024

**9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Tài sản cố định khác (*)		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
<b>Nguyên giá</b>									
Số dư đầu năm	48.568.445.804	11.571.188.000	2.157.036.363	16.377.940.600	78.674.610.767				
- Phân loại lại	(42.000.000)	42.000.000	-	-	-				
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>48.526.445.804</b>	<b>11.613.188.000</b>	<b>2.157.036.363</b>	<b>16.377.940.600</b>	<b>78.674.610.767</b>				
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>									
Số dư đầu kỳ	6.842.597.010	4.296.383.139	1.639.858.291	1.927.871.369	14.706.709.809				
- Khấu hao trong kỳ	1.033.155.284	409.020.882	121.262.918	327.558.810	1.890.997.894				
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>7.875.752.294</b>	<b>4.705.404.021</b>	<b>1.761.121.209</b>	<b>2.255.430.179</b>	<b>16.597.707.703</b>				
<b>Giá trị còn lại</b>									
Tại ngày đầu kỳ	41.725.848.794	7.274.804.861	517.178.072	14.450.069.231	63.967.900.958				
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>40.650.693.510</b>	<b>6.907.783.979</b>	<b>395.915.154</b>	<b>14.122.510.421</b>	<b>62.076.903.064</b>				

(\*) Tài sản cố định khác là Hệ thống điện năng lượng mặt trời.

*Trong đó:*

- Một số tài sản cố định có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 33.856.569.983 VND và 28.449.094.151 VND đang được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hậu Giang
- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.350.198.363 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT**

Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2024

**10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ	2.522.000.000	2.743.505.600	5.265.505.600
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>2.522.000.000</b>	<b>2.743.505.600</b>	<b>5.265.505.600</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	210.166.665	297.213.099	507.379.764
- Trích khấu hao	84.066.666	137.175.276	221.241.942
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>294.233.331</b>	<b>434.388.375</b>	<b>728.621.706</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu kỳ	2.311.833.335	2.446.292.501	4.758.125.836
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>2.227.766.669</b>	<b>2.309.117.225</b>	<b>4.536.883.894</b>

**11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Giá trị quyền sử dụng đất (*) VND	Chương trình phần mềm VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ	28.584.202.852	93.100.000	28.677.302.852
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>28.584.202.852</b>	<b>93.100.000</b>	<b>28.677.302.852</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	3.310.218.066	72.227.784	3.382.445.850
- Khấu hao trong kỳ	369.132.606	7.225.002	376.357.608
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>3.679.350.672</b>	<b>79.452.786</b>	<b>3.758.803.458</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu kỳ	25.273.984.786	20.872.216	25.294.857.002
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>24.904.852.180</b>	<b>13.647.214</b>	<b>24.918.499.394</b>

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 49.750.000 đồng.

(\*) Quyền sử dụng đất thuộc tờ bản đồ số 01, địa chỉ Ấp Tầm Vu 1, Xã Thạnh Hòa, Huyện Phụng Hiệp, Tỉnh Hậu Giang theo các Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất sau:

Số GCN	Số thửa	Diện tích	Thời hạn sử dụng	Mục đích sử dụng	Giá trị QSD đất
CV110726	1754	12.851,4m <sup>2</sup>	29/09/2054	Đất thương mại dịch vụ	12.285.114.090
CV110726	1754	14.797,9m <sup>2</sup>	02/08/2056	Đất thương mại dịch vụ	14.145.843.240
CV110726	1754	1.000m <sup>2</sup>	Lâu dài	Đất thương mại dịch vụ	955.935.858
CV245717	1206	300m <sup>2</sup>	Lâu dài	Đất ở tại nông thôn	286.780.758
CV245718	1220	300m <sup>2</sup>	Lâu dài	Đất ở tại nông thôn	286.780.758
CV245719	1211	300m <sup>2</sup>	Lâu dài	Đất ở tại nông thôn	286.780.758
CV245720	1215	59m <sup>2</sup>	Lâu dài	Đất ở tại nông thôn	56.400.216
CV245743	1214	293,5m <sup>2</sup>	29/09/2054	SX phi nông nghiệp	280.567.174
<b>TỔNG CỘNG</b>					<b>28.584.202.852</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT**

Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2024

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 28.584.202.852 VND và 24.904.852.180 VND đang được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hậu Giang.

**12 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị hao mòn</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Tại ngày 01/01/2024	91.190.175.481	(10.005.507.993)	81.184.667.488
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Khấu hao trong kỳ	-	(1.805.430.354)	(1.805.430.354)
<b>Tại ngày 30/06/2024</b>	<b>91.190.175.481</b>	<b>(11.810.938.347)</b>	<b>79.379.237.134</b>

Bất động sản đầu tư có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 41.358.221.895 VND và 34.667.380.649 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hậu Giang.

**13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<u>30/06/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Chi phí bảo hiểm	88.703.417	95.502.942
Phí gia hạn phần mềm	33.825.000	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	160.316.900	33.000.000
	<b>282.845.317</b>	<b>128.502.942</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Công cụ dụng cụ	142.600.845	159.345.046
Chi phí chứng nhận hợp quy sản phẩm	102.087.504	150.670.846
Chi phí thuê đất (*)	13.334.199.482	13.483.707.896
Chi phí trả trước dài hạn khác	11.135.756	38.417.708
	<b>13.590.023.587</b>	<b>13.832.141.496</b>

(\*) Là giá trị QSD đất thuê trả tiền một lần tại thửa đất số 288, tờ bản đồ số 25, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR248466 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Hậu Giang cấp. Thời hạn sử dụng đất đến ngày 22/01/2069. Giá trị quyền sử dụng đất nói trên đang được thế chấp đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hậu Giang. Chi phí thuê đất được phân bổ dần vào chi phí với thời gian phân bổ 50 năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT**

Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2024**14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
Công ty TNHH SX và TM Phân bón hữu cơ Đức Tín (tên cũ "Công ty TNHH XNK Nông sản Đức Tín")	-	-	3.561.576.918	3.561.576.918
Công ty TNHH TM và DV nông nghiệp Phú Thứ	4.656.000.000	4.656.000.000	3.386.597.715	3.386.597.715
Công ty TNHH MTV Thương Mại Toàn Cầu	3.292.212.097	3.292.212.097	-	-
Công ty TNHH MTV Nam Việt Hậu Giang	4.141.974.530	4.141.974.530	-	-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Quốc tế TIP TO MÃ LAI	5.853.255.500	5.853.255.500	-	-
Phải trả các đối tượng khác	11.859.641.475	11.859.641.475	3.963.351.131	3.963.351.131
	<b>29.803.083.602</b>	<b>29.803.083.602</b>	<b>10.911.525.764</b>	<b>10.911.525.764</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÁU VIỆT**

Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2024**15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-		471.783.132		292.724.248		471.783.132		-			VND
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-		-		38.418.101		38.418.101		-			VND
	-		<b>471.783.132</b>		<b>331.142.349</b>		<b>510.201.233</b>		-			<b>292.724.248</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Doanh nghiệp được hưởng ưu đãi về thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp do hoạt động trên địa bàn khó khăn, cụ thể như sau:

- \* Tại Công ty mẹ
- Áp dụng mức thuế suất 10% trong 15 năm, kể từ năm 2014 (năm đầu tiên phát sinh doanh thu)
- Miễn 100% thuế TNDN trong 04 năm kể từ năm 2017 (phát sinh thu nhập chịu thuế)
- Giảm 50% thuế TNDN trong 9 năm tiếp theo kể từ năm 2021.

- \* Tại Công ty con
- Áp dụng mức thuế suất 10% trong 15 năm, kể từ năm 2016
- Miễn 100% thuế TNDN trong 04 năm kể từ năm 2017
- Giảm 50% thuế TNDN trong 9 năm tiếp theo kể từ năm 2020.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT**

Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2024**16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	263.404.893	509.651.746
- Chi phí công trình xây dựng cơ bản đã nghiệm thu chưa hoá đơn tại Công ty Phúc Điền	6.197.862.148	-
	<b>6.461.267.041</b>	<b>509.651.746</b>

**17 . PHẢI TRẢ KHÁC**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
<b>Bên khác</b>		
- Bảo hiểm xã hội	62.483.046	-
- Bảo hiểm y tế	15.691.739	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	4.900.620	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	375.804	-
<b>Bên liên quan</b>		
- Thủ lao HĐQT, BKS	312.000.000	312.000.000
	<b>395.451.209</b>	<b>312.000.000</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (*)	406.931.600	388.931.600
	<b>406.931.600</b>	<b>388.931.600</b>

(\*) Là khoản nhận đặt cọc tiền thuê của các khách hàng thuê mặt bằng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÁU VIỆT**

Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán Quý II năm 2024

**18 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	01/01/2024		Trong kỳ		30/06/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>	<b>119.945.661.708</b>	<b>119.945.661.708</b>	<b>148.684.977.857</b>	<b>148.130.684.642</b>	<b>120.499.954.923</b>	<b>120.499.954.923</b>
- Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đức (1)	8.100.000.000	8.100.000.000	18.100.000.000	13.100.000.000	13.100.000.000	13.100.000.000
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (2)	2.000.000.000	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hậu Giang (3)	109.845.661.708	109.845.661.708	130.584.977.857	133.030.684.642	107.399.954.923	107.399.954.923
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Tây Đô (4)	-	-	2.000.000.000	-	2.000.000.000	2.000.000.000
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>2.912.118.408</b>	<b>2.912.118.408</b>	<b>-</b>	<b>1.453.189.956</b>	<b>1.458.928.452</b>	<b>1.458.928.452</b>
- Vay dài hạn đến hạn trả	1.713.360.000	1.713.360.000	-	856.680.000	856.680.000	856.680.000
- Nợ thuê tài chính đến hạn trả	1.198.758.408	1.198.758.408	-	596.509.956	602.248.452	602.248.452
	<b>122.857.780.116</b>	<b>122.857.780.116</b>	<b>150.684.977.857</b>	<b>149.583.874.598</b>	<b>123.958.883.375</b>	<b>123.958.883.375</b>
<b>b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>						
- Ngân hàng TNHH MTV Public bank Việt Nam (5)	643.728.098	643.728.098	-	-	643.728.098	643.728.098
- Nợ thuê tài chính dài hạn - Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease - CN Hà Nội (6)	1.408.778.095	1.408.778.095	-	-	1.408.778.095	1.408.778.095
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hậu Giang (7)	5.047.000.000	5.047.000.000	-	-	5.047.000.000	5.047.000.000
	<b>7.099.506.193</b>	<b>7.099.506.193</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>7.099.506.193</b>	<b>7.099.506.193</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT

Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2024

## a/ Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

(1) Là khoản vay của công ty mẹ với ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam – Chi nhánh Thủ Đức theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 85/2024/HĐHMTD/PVB-CN.TĐC ký ngày 27/06/2024. Hạn mức cho vay là 40.000.000.000 VND, thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký, lãi suất cho vay được ghi cụ thể trong hợp đồng cho vay, mục đích cấp tín dụng là để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay được đảm bảo bởi:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 63, tờ bản đồ số 13; tại khu dân cư Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh vật liệu xây dựng Fico, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP Cần Thơ thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Thành Lập và bà Phạm Trần Đan Thanh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CG 821060, sổ vào sổ cấp GCN: CS02762 do Sở Tài Nguyên và Môi trường TP Cần Thơ cấp ngày 10/03/2017. Giá trị tài sản thế chấp là 6.424.000.000 VND theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 15/2022/HĐBĐ/PVB-CN.TĐ ký ngày 05/05/2022.
- Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 198, tờ bản đồ số 5; tại Xã Hòa Bình, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thuộc quyền sở hữu của ông Phạm Vũ Kiên và bà Phạm Trần Kim Ngọc theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 727050, sổ vào sổ cấp GCN: CS00318 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 06/08/2018. Giá trị tài sản thế chấp là 7.370.000.000 VND theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 38/2022/HĐBĐ/PVB-CN.TĐ ký ngày 10/10/2022.
- Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 114, tờ bản đồ số 3; địa chỉ thửa đất: xã Hòa Bình, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thuộc quyền sở hữu của ông Phạm Vũ Công và bà Mai Thị Hằng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 770070, sổ vào sổ cấp GCN: CS00346 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 24/08/2018. Giá trị tài sản thế chấp là 8.976.000.000 VND theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 39/2022/HĐBĐ/PVB-CN.TĐ ký ngày 10/10/2022.
- Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 110, tờ bản đồ số 20; tại Xã Hòa Bình, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 604321, sổ vào sổ cấp GCN: CH01785-4309/QĐ-UBND do UBND huyện Xuyên Mộc cấp ngày 21/11/2012, cập nhật thay đổi chủ sở hữu/sử dụng ngày 24/07/2019 và Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 120, tờ bản đồ số 20; tại Xã Hòa Bình, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR 928750, sổ vào sổ cấp GCN: CS00882 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 08/08/2019 thuộc quyền sử dụng (đối với đất), quyền sở hữu hợp pháp của ông Đào Văn Hiến và bà Lê Thị Thu Nguyệt. Giá trị tài sản thế chấp là 6.977.000.000 VND theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 125/2023/HĐBĐ/PVB-CNTĐC ký ngày 10/10/2023.

(2) Là khoản vay của Công ty mẹ với Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Cần Thơ theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số CTO/22249 ngày 08/11/2022. Hạn mức tín dụng là 50.000.000.000 đồng. Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Mục đích cấp tín dụng: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất phân bón các loại. Lãi suất được quy định theo từng khế ước nhận nợ và/hoặc các văn bản liên quan ký kết giữa khách hàng và ngân hàng. Biện pháp bảo đảm là khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng, giá trị 10 tỷ đồng của công ty.

Khoản vay đã được công ty tất toán toàn bộ vào tháng 02 năm 2024.

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT

Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2024

(3) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hậu Giang theo các hợp đồng hạn mức tín dụng sau:

- Hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2023-HĐCVHM/NHCT821-CTY ÂU VIỆT ngày 08 tháng 08 năm 2023. Hạn mức cho vay là 40.000.000.000 VND. Thời hạn duy trì hạn mức đến ngày 08/08/2024 kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất cho vay được quy định trên từng Giấy nhận nợ. Mục đích sử dụng là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh phân bón. Khoản vay được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất tại thửa 288, tờ bản đồ số 25, địa chỉ Ấp Long Giang B, Thị trấn Cái Tắc, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 248466, số vào sổ cấp GCN CT14247, do Sở tài nguyên và môi trường Tỉnh Hậu Giang cấp ngày 19/08/2019. Giá trị của tài sản là 62.888.127.968 đồng theo Biên bản thoả thuận định giá tài sản thế chấp số 02/2023-BBĐGL/NHCT821-CTY AU VIET ngày 31/07/2023.
- Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2023-HĐVHM/NHCT821-CTY PHUC DIEN HAU GIANG ký ngày 11/09/2023. Hạn mức cho vay là 90.000.000.000 VND. Thời hạn duy trì hạn mức kể từ ngày ký đến ngày 11/09/2024. Lãi suất cho vay được ghi cụ thể trong mỗi khế ước nhận nợ, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Mục đích sử dụng là bổ sung vốn lưu động kinh doanh. Tài sản đảm bảo bao gồm:
  - Hợp đồng thế chấp Bất động sản số 02/2020/HĐBĐ/NHCT821-CTY PHUC DIEN HAU GIANG ngày 25/8/2020. Tổng giá trị của tài sản thế chấp là 131.885.515.275 VND, thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Phúc Điền Hậu Giang theo biên bản định giá tài sản đảm bảo số 01/2022- BBĐGL/NHCT821-CTY PHUC-05/2023 ngày 11/05/2023.. Bao gồm các tài sản đảm bảo sau:
    - + Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 110726 thuộc thửa đất số 1754, tờ bản đồ số 01; Địa chỉ: Ấp Tầm Vu 1, Xã Thạnh Hòa, Huyện Phụng Hiệp, Tỉnh Hậu Giang; Diện tích gồm: 12.851,4 m2 thời hạn sử dụng đến ngày 29/09/2054, 14.797,9 m2 thời hạn sử dụng đến 02/08/2056 và 1000 m2 thời hạn sử dụng lâu dài; Mục đích sử dụng là đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; Số vào sổ cấp GCN: CT19114 do Sở tài nguyên và môi trường Tỉnh Hậu Giang cấp ngày 31/07/2020.
    - + Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 245743 thuộc thửa đất số 1214, tờ bản đồ số 01; Địa chỉ: Ấp Tầm Vu 1, Xã Thạnh Hòa, Huyện Phụng Hiệp, Tỉnh Hậu Giang; Diện tích gồm: 293,5 m2 thời hạn sử dụng đến ngày 29/09/2054; Mục đích sử dụng là đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; Số vào sổ cấp GCN: CT19190 do Sở tài nguyên và môi trường Tỉnh Hậu Giang cấp ngày 12/08/2020.
    - + Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 245720 thuộc thửa đất số 1215, tờ bản đồ số 01; Địa chỉ: Ấp Tầm Vu 1, Xã Thạnh Hòa, Huyện Phụng Hiệp, Tỉnh Hậu Giang; Diện tích gồm: 59,0 m2 thời hạn sử dụng lâu dài; Mục đích sử dụng là đất ở tại nông thôn; Số vào sổ cấp GCN: CT19194 do Sở tài nguyên và môi trường Tỉnh Hậu Giang cấp ngày 12/08/2020.
    - + Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 245718 thuộc thửa đất số 1220, tờ bản đồ số 01; Địa chỉ: Ấp Tầm Vu 1, Xã Thạnh Hòa, Huyện Phụng Hiệp, Tỉnh Hậu Giang; Diện tích gồm: 300,0 m2 thời hạn sử dụng lâu dài; Mục đích sử dụng là đất ở tại nông thôn; Số vào sổ cấp GCN: CT19192 do Sở tài nguyên và môi trường Tỉnh Hậu Giang cấp ngày 12/08/2020.

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT

Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2024

- + Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 245717 thuộc thửa đất số 1206, tờ bản đồ số 01; Địa chỉ: Ấp Tầm Vu 1, Xã Thanh Hòa, Huyện Phụng Hiệp, Tỉnh Hậu Giang; Diện tích gồm: 300,0 m<sup>2</sup> thời hạn sử dụng lâu dài; Mục đích sử dụng là đất ở tại nông thôn; Sổ vào sổ cấp GCN: CT19191 do Sở tài nguyên và môi trường Tỉnh Hậu Giang cấp ngày 12/08/2020.
- + Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 245719 thuộc thửa đất số 1211, tờ bản đồ số 01; Địa chỉ: Ấp Tầm Vu 1, Xã Thanh Hòa, Huyện Phụng Hiệp, Tỉnh Hậu Giang; Diện tích gồm: 300,0 m<sup>2</sup> thời hạn sử dụng lâu dài; Mục đích sử dụng là đất ở tại nông thôn; Sổ vào sổ cấp GCN: CT19193 do Sở tài nguyên và môi trường Tỉnh Hậu Giang cấp ngày 12/08/2020.
- + Hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 01/2021/HĐBĐ/NHCT821-PHUC DIEN-TRAI PHIEU ngày 23/12/2021, giá trị của tài sản thế chấp là 1.000.000.000 VND của ông Nguyễn Hoàng Luân.

(4) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Tây Đô theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 199428.24.452.32974447.TD ngày 24 tháng 06 năm 2024. Hạn mức cho vay là 60.000.000.000 VND. Thời hạn duy trì hạn mức đến ngày 25/02/2025 kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất cho vay được quy định trên từng lần giải ngân. Mục đích sử dụng là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh phân bón. Khoản vay được đảm bảo bằng Hợp đồng thế chấp số 199430.24.452.32974447.TD ngày 28/06/2024 áp dụng đối với tài sản là hàng hoá và quyền đòi nợ và Sổ tiết kiệm số LA 5608866 ngày 27/06/2024 mang tên Ông Nguyễn Hoàng Luân.

### b/ Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

(5) Là khoản vay của Công ty mẹ với Ngân hàng TNHH MTV Public bank Việt Nam theo hợp đồng hạn mức số HCM/000099/18 ngày 05 tháng 03 năm 2018 với hạn mức là 1.400.000.000 VND. Thời hạn duy trì hạn mức là 180 tháng kể từ ngày kí, lãi suất cho vay là 2,6%/năm + lãi suất tiền gửi có kì hạn cá nhân 12 tháng bằng VNĐ loại lãnh lãi cuối kì niêm yết tại ngân hàng. Mục đích sử dụng là tài trợ/hoàn lại một phần chi phí mua Căn hộ văn phòng số B2, tầng 8, dự án Golden king, số 15 Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Phú, Quận 7, TP Hồ Chí Minh, hiện đang được sử dụng làm văn phòng đại diện của Công ty. Gốc và lãi vay được trả định kỳ hàng tháng một khoản tiền là 7.780.000 VND trong vòng 180 tháng bắt đầu từ tháng tiếp theo sau ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay được đảm bảo bằng Căn hộ văn phòng số B2, tầng 8, dự án Golden king, số 15 Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Phú, Quận 7, TP Hồ Chí Minh với giá mua là 2.063.504.239 VND.

(6) Là khoản nợ thuê tài chính với Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế CHAILEASE theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng cho thuê tài chính số C2208060C2 ngày 13/9/2022 cho tài sản: Dây chuyền trộn phân NPK 3 màu; Thời hạn thuê 48 tháng, giá trị thuê 2.522.000.000 VNĐ. Lãi suất thuê ban đầu là 9,18% cho thời hạn tính lãi là 365 ngày và 9,05% cho thời hạn tính lãi là 360 ngày, sau đó sẽ thả nổi và được tính theo lãi suất tiêu chuẩn cộng với biên độ 3,07%. Nợ thuê được thanh toán lãi và gốc thành 47 kỳ.
- Hợp đồng cho thuê tài chính số B2207325C1 ngày 19/7/2022, Bản tu chỉnh số 1 Hợp đồng cho thuê tài chính số B2207325C1 ngày 18/11/2022 cho tài sản: Ô tô con hiệu Mercedes Benz biển số 50 LD-195.57 và Ô tô con hiệu Vinfast biển số 50 LD-200.46; Thời hạn thuê 36 tháng, giá trị thuê 2.743.505.600 VNĐ. Lãi suất thuê ban đầu là 9,8% cho thời hạn tính lãi là 365 ngày và 9,67% cho thời hạn tính lãi là 360 ngày, sau đó sẽ thả nổi và được tính theo lãi suất tiêu chuẩn cộng với biên độ 2,67%. Nợ thuê được thanh toán lãi và gốc thành 35 kỳ.



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT**

Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2024

(7) Khoản vay của Công ty Cổ phần Đầu tư Phúc Điền Hậu Giang với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hậu Giang theo hợp đồng tín dụng số 01/2021 – HĐCVDADT/NHCT821 – CTY PHUC DIEN HAU GIANG ngày 29/01/2021. Hạn mức vay là 12.000.000.000 VND với mục đích thanh toán/bù đắp chi phí đầu tư hệ thống điện năng lượng mặt trời mái nhà tại số 179, quốc lộ 61, Ấp tầm vu 1, xã Thạch Hòa, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất được quy định trên từng giấy nhận nợ. Gốc và lãi vay được trả định kỳ hàng tháng trong đó gốc vay phải trả cho hàng kỳ là 135.000.000 VND. Tài sản đảm bảo là:

- Toàn bộ hệ thống điện mặt trời mái nhà thuộc dự án điện mặt trời mái nhà tại số 179, Quốc lộ 61, Ấp tầm vu 1, xã Thạch Hòa, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang theo hợp đồng thế chấp động sản số 01/2021/HĐBĐ/NHCT821-ĐMT-CTY PHUC DIEN ngày 29/01/2021, giá trị của tài sản là 23.551.000.000 đồng theo Biên bản định giá lại tài sản bảo đảm số 01/2021/-BBĐGL02/NHCT821-CTY PHUC DIEN ngày 10/08/2023.
- Hợp đồng thế chấp Bất động sản số 02/2020/HĐBĐ/NHCT821-CTY PHUC DIEN HAU GIANG ngày 25/8/2020. Tổng giá trị của tài sản thế chấp là 131.885.515.275 VND, thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Phúc Điền Hậu Giang theo biên bản định giá tài sản đảm bảo số 01/2022- BBĐGL/NHCT821-CTY PHUC-05/2023 ngày 11/05/2023.
- Hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá 01/2020/HĐBĐ/NHCT821- CTY PHUC DIEN HAU GIANG ngày 02/06/2020, thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Hoàng Luân. Tổng giá trị của tài sản thế chấp là 10.000.000.000 VND.

3  
3  
C  
T  
P  
A  
/

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÁU VIỆT**

Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán Quý II năm 2024

**19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quý đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Cộng VND
<b>Năm 2023</b>					
Tại ngày 01/01/2023	136.000.000.000	471.167.081	65.758.003.906	3.098.021.995	205.327.192.982
Lãi/lỗ trong năm 2023	-	-	8.743.186.139	54.646.038	8.797.832.177
Tại ngày 31/12/2023	136.000.000.000	471.167.081	74.501.190.045	3.152.668.033	214.125.025.159
<b>Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024</b>					
Tại ngày 01/01/2024	136.000.000.000	471.167.081	74.501.190.045	3.152.668.033	214.125.025.159
Lãi/lỗ trong kỳ này	-	-	4.806.938.153	38.069.713	4.845.007.866
Tăng/giảm khác	-	-	715.192	(715.192)	-
Tại ngày 30/06/2024	136.000.000.000	471.167.081	79.308.843.390	3.190.022.554	218.970.033.025

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT**

Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2024**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Ông Nguyễn Hoàng Luân	38,23%	52.000.000.000	38,23%	52.000.000.000
Ông Võ Văn Phước Quê	11,40%	15.500.000.000	11,40%	15.500.000.000
Bà Võ Huỳnh Trang	0,37%	500.000.000	0,37%	500.000.000
Các cổ đông khác	50,00%	68.000.000.000	50,00%	68.000.000.000
	<b>100%</b>	<b>136.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>136.000.000.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 VND	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	136.000.000.000	136.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	136.000.000.000	136.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	136.000.000.000	136.000.000.000
↪ <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm</i>	-	-

**d) Cổ phiếu**

	30/06/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.600.000	13.600.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	13.600.000	13.600.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	13.600.000	13.600.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.600.000	13.600.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	13.600.000	13.600.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e) Các quỹ công ty**

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Quỹ đầu tư phát triển	471.167.081	471.167.081
	<b>471.167.081</b>	<b>471.167.081</b>

**20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 VND	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 VND
Doanh thu bán hàng hoá	155.327.327.689	119.761.865.200
Doanh thu bán thành phẩm	152.018.839.240	140.527.469.458
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.645.654.168	4.793.023.997
	<b>312.991.821.097</b>	<b>265.082.358.655</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT**

Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán Quý II năm 2024

**21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
	VND	VND
Giá vốn bán hàng hoá	150.401.452.561	118.461.769.632
Giá vốn bán thành phẩm	144.631.202.542	131.097.702.394
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	4.445.307.753	3.523.429.354
	<b>299.477.962.856</b>	<b>253.082.901.380</b>

**22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	161.895.557	395.741.207
	<b>161.895.557</b>	<b>395.741.207</b>

**23 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
	VND	VND
Lãi tiền vay	4.689.225.166	5.068.495.644
	<b>4.689.225.166</b>	<b>5.068.495.644</b>

**24 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
	VND	VND
Chi phí nhân viên	584.247.282	445.831.189
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	33.176.004
Chi phí dịch vụ mua ngoài	327.970.631	119.689.530
Chi phí khác bằng tiền	490.906	607.954
	<b>912.708.819</b>	<b>599.304.677</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT**

Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán Quý II năm 2024

**25 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
	VND	VND
Chi phí nhân viên	1.812.936.993	1.061.140.961
Chi phí đồ dùng văn phòng	104.646.771	165.723.849
Chi phí khấu hao tài sản cố định	231.585.794	424.694.712
Thuế, phí, lệ phí	15.673.730	10.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	651.508.354	339.938.082
Chi phí khác bằng tiền	22.670.987	-
	<b>2.839.022.629</b>	<b>2.001.497.604</b>

**26 . THU NHẬP KHÁC**

	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
	VND	VND
Tiền ký quỹ do vi phạm hợp đồng	18.000.000	-
Thu nhập khác	45.953.500	-
	<b>63.953.500</b>	<b>-</b>

**27 . CHI PHÍ KHÁC**

	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
	VND	VND
Khấu hao TSCĐ	63.521.978	-
Chi phí bảo hiểm tai nạn và sức khỏe	45.403.500	-
Các khoản phạt thuế, BHXH	33.418.101	-
Chi phí không được trừ	18.674.991	16.385.376
	<b>161.018.570</b>	<b>16.385.376</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT**

Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2024**28 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
	VND	VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	5.137.732.114	4.709.515.181
Các khoản điều chỉnh tăng	716.752.846	1.179.465.615
- Chi phí không được trừ	716.752.846	1.179.465.615
- ...	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	5.854.484.960	5.888.980.796
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	10%	10%
Thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất	585.448.496	588.898.080
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	(292.724.248)	(294.449.041)
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>292.724.248</b>	<b>294.449.039</b>

**29 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	4.806.938.153	4.397.675.287
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	4.806.938.153	4.397.675.287
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	13.600.000	13.600.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>353</b>	<b>323</b>

**30 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.945.153.904	-	10.337.980.916	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	95.762.664.790	-	68.115.426.059	-
Đầu tư ngắn hạn	-	-	10.000.000.000	-
	<b>104.707.818.694</b>	<b>-</b>	<b>88.453.406.975</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT**

Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2024

	Giá trị số kế toán	
	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	131.058.389.568	129.957.286.309
Phải trả người bán, phải trả khác	30.605.466.411	11.612.457.364
Chi phí phải trả	6.461.267.041	509.651.746
	<b>168.125.123.020</b>	<b>142.079.395.419</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Rủi ro về giá:**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
<b>Tại ngày 01/01/2024</b>				
Đầu tư ngắn hạn	10.000.000.000	-	-	10.000.000.000
	<b>10.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>10.000.000.000</b>

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT**

Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2024

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 30/06/2024</b>				
Tiền và các khoản trong đương tiền	8.945.153.904	-	-	8.945.153.904
Phải thu khách hàng, phải thu khác	95.762.664.790	-	-	95.762.664.790
	<b>104.707.818.694</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>104.707.818.694</b>
<b>Tại ngày 01/01/2024</b>				
Tiền và các khoản trong đương tiền	10.337.980.916	-	-	10.337.980.916
Phải thu khách hàng, phải thu khác	68.095.426.059	20.000.000	-	68.115.426.059
	<b>78.433.406.975</b>	<b>20.000.000</b>	<b>-</b>	<b>78.453.406.975</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

11/4  
 TY  
 AN  
 B  
 T  
 ET  
 11/4



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT**

Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2024

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 30/06/2024</b>				
Vay và nợ	123.958.883.375	7.099.506.193	-	131.058.389.568
Phải trả người bán, phải trả khác	36.659.801.852	406.931.600	-	37.066.733.452
	<b>160.618.685.227</b>	<b>7.506.437.793</b>	<b>-</b>	<b>168.125.123.020</b>
<b>Tại ngày 01/01/2024</b>				
Vay và nợ	122.857.780.116	6.494.678.095	604.828.098	129.957.286.309
Phải trả người bán, phải trả khác	11.223.525.764	388.931.600	-	11.612.457.364
Chi phí phải trả	509.651.746	-	-	509.651.746
	<b>134.590.957.626</b>	<b>6.883.609.695</b>	<b>604.828.098</b>	<b>142.079.395.419</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**31 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

**32 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Sản xuất và kinh doanh phân bón VND	Cho thuê tài sản và điện mặt trời VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	307.346.166.929	5.645.654.168	312.991.821.097
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>307.346.166.929</b>	<b>5.645.654.168</b>	<b>312.991.821.097</b>
Giá vốn theo bộ phận	295.032.655.103	4.445.307.753	299.477.962.856
Lợi nhuận gộp	12.313.511.826	1.200.346.415	13.513.858.241
Các chi phí không phân bổ			3.751.731.448
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>			<b>9.762.126.793</b>
Doanh thu hoạt động tài chính			161.895.557
Chi phí tài chính			4.689.225.166
Thu nhập khác			63.953.500
Chi phí khác			161.018.570
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			292.724.248
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>			<b>4.845.007.866</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT**

Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2024

**Theo khu vực địa lý**

Hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, theo đó công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**33 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>		
Công ty CP Đầu tư Phúc Điền Hậu Giang Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị Các thành viên Ban Tổng Giám đốc Các thành viên Ban kiểm soát Kế toán trưởng	Công ty con		
Giao dịch phát sinh trong kỳ:			
		Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
	<u>Mối quan hệ</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Ông Nguyễn Hoàng Luân</b>	Chủ tịch HĐQT		
Mượn tiền Ông Nguyễn Hoàng Luân		-	35.030.000.000
Trả tiền mượn Ông Nguyễn Hoàng Luân		-	18.840.000.000
<b>Ông Võ Văn Phước Quê</b>	Tổng Giám đốc		
Mượn tiền		2.500.000.000	-
Trả tiền mượn		2.500.000.000	-
<b>Ông Nguyễn Thành Lập</b>	Em trai CT HĐQT		
Mượn tiền		150.000.000	-
Trả tiền mượn		150.000.000	-

Tài sản thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Hoàng Luân được sử dụng thế chấp đảm bảo cho các khoản vay của công ty và công ty con tại các ngân hàng, chi tiết tại Thuyết minh số 18.

Tài sản thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Thành Lập – em trai ông Nguyễn Hoàng Luân là quyền sử dụng đất đang được công ty thế chấp đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đức, chi tiết tại Thuyết minh số 18.

002  
CÔNG  
CỔ P  
HẠN  
QUỐC  
ÂU V  
HAI

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN QUỐC TẾ ÂU VIỆT**

Quốc lộ 1A, Ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2024

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
	VND	VND
<b>Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt</b>		
Ông Nguyễn Hoàng Luân	87.764.615	59.173.077
Bà Võ Huỳnh Trang	18.000.000	18.000.000
Ông Võ Văn Phước Quê	76.159.235	51.520.769
Ông Nguyễn Đức Quang	18.000.000	18.000.000
Bà Nguyễn Thị Mỹ Tiên	12.000.000	18.000.000
Ông Đinh Huỳnh Thái Tâm	6.000.000	-
<b>Thu nhập và thù lao Ban kiểm soát</b>		
Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	24.000.000	18.000.000
Bà Nguyễn Thị Bảo Trâm	8.000.000	12.000.000
Bà Lưu Thị Cẩm Hoài	4.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Thu Thảo	58.935.934	12.000.000
<b>Kế toán trưởng</b>		
Biện Thị Chuyên	72.707.746	65.129.468

**34 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 đã được kiểm toán soát xét.



**Nguyễn Khải Vân**  
Người lập



**Biện Thị Chuyên**  
Kế toán trưởng



**Võ Văn Phước Quê**  
Tổng Giám đốc

Hậu Giang, ngày 30 tháng 07 năm 2024